TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 478/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 4 - 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí.
2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST –HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Cao Quỳnh N; địa chỉ: Số 13 đường Q, Phường 14, quận G, Thành phố H *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phương A ; địa chỉ: Số 13 đường Q, Phường 14, quận G, Thành phố H *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 19 tháng 5 năm 2021 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Cao Quỳnh N và ông Nguyễn Phương A tự nguyện chung sống năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố H. Thời gian sống chung có một con chung tên Nguyễn Phương Gia K; sinh ngày 26/8/2019. Cuộc sống chung vợ chồng được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, xảy ra xung đột do ông A không có trách nhiệm phụ giúp về kinh tế, tính tình bất thường, gây áp lực cho vợ, con nên nhiều lần bà N cùng con nhỏ trốn tránh không ở chung nhà, bà N khuyên can nhiều

lần và tạo điều kiện cho ông A sửa chữa sai lầm nhưng ông A không thay đổi bản tính, có trách nhiệm với bản thân và gia đình. Hiện tại bà N sống ly thân với ông A từ năm 2020 đến nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phương Gia K; sinh ngày 26/8/2019, bà N trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu được quyền nuôi con chung không yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Bà N và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà N và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 18/10/2021, ông Nguyễn Phương A trình bày:

Ông A tự nguyện chung sống và kết hôn với bà Nguyễn Cao Quỳnh N vào năm 2019 có 01 con chung tên Nguyễn Phương Gia K; sinh ngày 26/8/2019. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nên bà N tự ý sống riêng cùng con chung và ngăn cản không cho ông A gặp con nên ông không đồng ly hôn với bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến.

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bị đơn có hộ khẩu thường trú, hiện cư trú tại quận G. Căn cứ các Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Cao Quỳnh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Phương A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Atheo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Trần Cao Quỳnh N và ông Nguyễn Phương A tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn số 179 ngày 15/10/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố H. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A là có căn cứ giải quyết được qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông A, mâu thuẫn từ năm 2019 bà N cùng trẻ Nguyễn Phương Gia K sinh ngày 26/8/2019 sống riêng nhằm trốn tránh gặp ông A. Tuy nhiên bà N nhiều lần gửi đơn ly hôn tại Tòa nhưng rút đơn để ông A đi làm, thay đổi bản thân sống cùng với bà N nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết vụ án ông A không có giải pháp nào để cùng bà N giải quyết mâu thuẫn gia đình, không đồng ý ly hôn với bà N. Tòa án đã tống đạt thông báo phiên họp, kiểm tra chứng cứ, đối chất và hòa giải 02 lần nhưng ông A từ chối tham gia hòa giải, tại biên bản tống đạt Quyết định hoãn phiên Tòa ghi nhận ý kiến của ông A "đồng ý ly hôn với bà N nhưng không mong muốn Tòa án hòa giải và từ chối gặp mặt bà N". Như vậy hôn nhân giữa bà N và ông A không còn chung sống cùng nhau, không còn tình nghĩa thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiệc các công việc trong gia đình. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà N và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Xét thấy trẻ Nguyễn Phương Gia K; sinh ngày 26/8/2019, hiện bà N trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời bà N xác định có đủ điều kiện kinh tế, chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Cao Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con.

Ông Nguyễn Phương A có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Phương A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà N.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà N phải nộp tiền án phí HNST là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Cao Quỳnh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Cao Quỳnh N được ly hôn ông Nguyễn Phương A (Giấy chứng nhận kết hôn số 179 ngày 15/10/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố H hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Phương Gia K sinh ngày 26/8/2019, giao bà Trần Cao Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Phương N, cho đến khi bà N có yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông Nguyễn Phương A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bà N

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung mà không ai cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm*:*

Bà Trần Cao Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0028596 ngày 28/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3**.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTPH;
- Viện kiểm sát;
- Chi cục THA QG;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- LưuVP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)